TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/ 2019/ HS - ST
Ngày: 30 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Kiều

Ông Vũ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lương Sơn, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/ 2019/ TLST - HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/ 2019/ QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: NguyễnVăn T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1996, tại: huyện P – tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm L1, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông NguyễnVăn T và bà Dương Thị A; bị cáo có vợ là: Vũ Thị T - sinh năm 1997, có 01 con chung sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công kể từ ngày 07/4/2019 đến nay (Có mặt).

Người chứng kiến:

1. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vg mặt).

2. Bà Trương Thị Hương G, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Vg mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 07/4/2019, Tổ công tác Công an thành phố Sông Công làm nhiệm vụ tuần tra tại tổ dân phố Đồi, phường Bách Quang, thành phố Sông Công phát hiện Nguyễn Văn T có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tiến hành kiểm tra, T tự nguyện giao nộp từ túi quần bên phải phía trước của T: 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Marlboro, bên trong có 07 viên nén màu hồng và 01 túi ni lon chứa các hạt tinh thể màu trắng; tại túi quần sau của T có 01 túi nilon chứa 02 viên nén màu hồng đã bị vỡ. Ngoài ra T còn giao nộp 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen (đã qua sử dụng). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang niêm phong vật chứng và đưa T về Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công điều tra, xử lý theo quy định *(bút lục số 26 - 29)*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai: Do nghiện ma túy, nên khoảng 18 giờ ngày 01/4/2019, Nguyễn Văn T đến thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc G mua của của một người đàn ông không quen biết 10 viên ma túy dạng nén (ngựa) với giá 1.000.000 đồng, sau khi mua được ma túy, T đã sử dụng hết 03 viên, còn lại 07 viên để trong bao thuốc nhãn hiệu Marlboro và cất giấu trong người để sử dụng. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/4/2019, bị cáo T gọi điện thoại cho một người tên T ở khu vực thành phố Thái Nguyên (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) để hỏi mua ma túy tổng hợp dạng đá và ngựa, T hẹn gặp tại quán cà phê Rừng ở tổ dân phố Đồi, phường Bách Quang, thành phố Sông Công. Tại đây,T mua của người này 01 gói ma túy tổng hợp dạng "đá" và 02 viên ma túy "ngựa"với giá 2.700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu trong người cùng với 07 viên ma túy dạng nén mua từ trước đó tại huyện Tân Yên, mục đích để sử dụng dần cho bản thân. Khi T vừa rời địa điểm mua ma túy để đi về thì bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại Bản kết luận giám định số 630/KL-PC09 ngày 12/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Viên nén màu hồng trong mẫu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,719 gam. Hạt dạng tinh thể màu trắng trong mẫu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 6,432 gam. Các mảnh viên nén màu hồng bị vỡ lẫn trong các hạt tinh thể màu trắng trong mẫu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,445 gam *(bút lục số 34)*.

Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong đựng 0,627gam ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong đựng 6,238 gam ma túy, loại Methamphetamine và 01 phong bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong đựng 0,342 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Marlboro; 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen (đã qua sử dụng) đã được chuyển, bảo quản theo quy định về quản lý vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 50/ CT - VKS ngày 13/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 06 đến 07 năm tù; về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Marlboro và toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, tịch thu tiêu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo T; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo T tranh luận, xác định mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là cao, đề nghị xét xử bị cáo mức án ở đầu khung hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, xác định khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ 7,596 gam ma túy, loại Methamphetamine là trên mức 05 gam theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, nên giữ nguyên mức án phạt tù đã đề nghị đối với bị cáo T. Bị cáo T nói lời sau cùng, đến nay bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Hồi 19 giờ 30 phút ngày 07/4/2019, tại Tổ dân phố Đồi, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, NguyễnVăn T đang tàng trữ trái phép 7,596 gam ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình

phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm

a)……

g) Methamphetamine ….có khối lượng từ 05gam đến dưới 30 gam".

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma tuý, gây mất trật tự an toàn xã hội.

Về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T sinh ra, lớn lên tại địa phương, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/12 ở nhà lao động tự do, hiện là đối tượng đang có biểu hiện nghiện chất ma túy. Bị cáo hiện không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nên cần phải xét xử bằng án phạt tù nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Mức án phạt tù Viện kiểm sát đề nghị từ 06 đến 07 năm là có căn cứ. Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xét xử bị cáo mức án phạt tù phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là hiện nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy, theo bị cáo Nguyễn Văn T khai mua của người tên T tại quán cà phê Rừng ở thành phố Sông Công và một người nam giới tại thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc G, nhưng không xác định được địa chỉ, lai lịch cụ thể. Kết quả kiểm tra điện thoại liên lạc từ số của bị cáo T sử dụng là 0866.564.863 đến số điện thoại 0969.913.363 (theo bị cáo khai là người tên T đã bán ma túy cho bị cáo ngày 07/4/2019), kết quả kiểm tra không thể hiện việc bị cáo liên lạc với số điện thoại nêu trên vào ngày 07/4/2019 và số thuê bao 0969.913.363 là của người tên Vũ Bá Hào, cư trú tại thôn Thượng Phúc - xã Thụy Trường - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình, không

liên quan gì với người tên T theo lời khai của bị cáo T, do đó không có đủ cơ sở để xác minh làm rõ.

[3] Về vật chứng của vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo T còn lại sau khi giám định trong các bì niêm phong A1, A2, A3 và 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Marlboro là những vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại di động Nokia 230 màu đen (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo T, bị cáo T khai đã sử dụng gọi hỏi mua ma túy, cần được tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo T bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các Điều 106, 136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 *(sáu)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2019.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen có số IMEL 1: 356900071144100 và số IMEL 2: 356900071144118 (đã qua sử dụng) đựng trong bì niêm phong ký kiệu B (còn nguyên niêm phong).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong đựng 0,627 gam ma túy, loại Methamphetamine, hoàn trả sau giám định còn nguyên niêm phong; 01 bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong đựng 6,238 gam chất ma túy, loại Methamphetamine, hoàn trả sau giám định còn nguyên niêm phong; 01bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong đựng 0,342 gam ma túy, loại Methamphetamine, hoàn trả sau giám định, còn nguyên niêm phong; 01vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Marlboro.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/8 /2019 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Nguyễn Văn T. Báo cho bị cáo biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo T;
- UBND xã Lương Phú, H. Phú Bình *(kèm TB Kq XX)*;
- THA h.sự, d.sự ;
- Lưu:

Dương Văn Phong